

Phụ lục I
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VP ngày tháng năm 2026
của Chánh Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (13 TTHC)

STT	Mã TTHC trên Cổng DVCQG ¹	Thủ tục hành chính
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
1	1.115499	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất và trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; giao đất, cho thuê đất đồng thời giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển (cấp tỉnh)
2	1.115500	Giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất (cấp tỉnh)
3	1.115501	Chuyển mục đích sử dụng đất; chuyển hình thức sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư (cấp tỉnh)
4	1.115497	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất đối với trường hợp sử dụng đất không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư, không thuộc trường hợp thực hiện thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất quy định tại Điều 65 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (cấp tỉnh)
5	1.115512	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (cấp tỉnh)
6	1.115505	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư; gia hạn thời gian thực hiện nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư

¹ Tra cứu toàn bộ nội dung của TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>

7	1.115506	Tổ chức kinh tế lựa chọn nhận chuyển quyền sử dụng đất mà không đề xuất thu hồi đất quy định tại điểm c khoản 1 Điều 127 của Luật Đất đai
8	1.115498	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất
9	1.115502	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích; gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích (cấp tỉnh)
10	1.115507	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất (cấp tỉnh)
11	1.115529	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (cấp tỉnh)
12	1.115530	Thu hồi, hủy Giấy chứng nhận đã cấp do cơ quan có chức năng quản lý đất đai thực hiện không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (cấp tỉnh)
13	1.115531	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất (trường hợp đất để thực hiện dự án chưa được cấp Giấy chứng nhận) (cấp tỉnh)

B. NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất và trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; giao đất, cho thuê đất đồng thời giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển (cấp tỉnh).

1.1. Trình tự thực hiện

a) *Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:* Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) *Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:*

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (*thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính*).

- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (*một phần*) tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>

c) *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Người đề nghị nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa.

Khi nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực.

Bộ phận Một cửa tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

- Rà soát, kiểm tra hồ sơ; hướng dẫn người nộp hồ sơ làm lại hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ.

- Kiểm tra thực địa; trường hợp giao đất và giao rừng, cho thuê đất và cho thuê rừng thì Cơ quan lâm nghiệp kiểm tra thực địa hiện trạng khu rừng giữa hồ sơ và thực địa dự kiến giao.

- Lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn có liên quan:

+ Cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng: Xác định diện tích xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe (bao gồm cả khu bán vé, khu quản lý điều hành, khu phục vụ công cộng) phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng theo quy định của pháp luật về vận tải giao thông đường bộ; diện tích đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp; xác định chi phí xây dựng hạ tầng (nếu có) theo quy định của pháp luật về xây dựng.

+ Sở Tài chính: xác định lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp.

+ Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp: xác định lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư trong khu kinh tế, khu công nghiệp.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản xác định cụ thể việc hưởng ưu đãi đầu tư cho dự án và trả lời đầy đủ các nội dung của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan xác định trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (nếu có).

- Hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao rừng, cho thuê rừng, giao khu vực biển (Hồ sơ gồm: Các giấy tờ quy định tại mục 1.3; tờ trình theo Mẫu số 13 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này; dự thảo quyết định theo Mẫu số 14 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này).

Bước 3: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất; giao đất và giao rừng, cho thuê đất và cho thuê rừng; giao đất, cho thuê đất đồng thời giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.

Bước 4: Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Trường hợp trả tiền thuê đất hằng năm hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

+ Ủy ban nhân dân cấp xã xác định số tiền giải phóng mặt bằng ứng trước được trừ vào tiền thuê đất, tiền sử dụng đất gửi cơ quan Thuế.

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường chuyển Phiếu chuyển thông tin theo Mẫu số 15 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này đến cơ quan thuế (kèm theo hồ sơ kê khai xác định nghĩa vụ tài chính) trong thời gian 03 ngày kể từ thời điểm có quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với

trường hợp trả tiền thuê đất hằng năm, trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; kể từ thời điểm quyết định giá đất đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Bước 5: Cơ quan Thuế tổ chức việc tính, thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, số tiền phải nộp để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa; xác định số tiền thuê đất được miễn, giảm theo quy định; xác định đơn giá thuê đất đối với trường hợp trả tiền thuê đất hằng năm, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai, đồng thời gửi thông báo cho người sử dụng đất. Người sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư lấn biển hoặc dự án đầu tư có hạng mục lấn biển không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.

Bước 6: Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Trường hợp được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê; trường hợp thuê đất trả tiền hằng năm: Sở Nông nghiệp và Môi trường ký hợp đồng và ký Giấy chứng nhận đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cho thuê đất của Chủ tịch UBND cấp tỉnh; bàn giao đất, bàn giao rừng, bàn giao khu vực biển trên thực địa theo Mẫu số 12 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này và chuyển giấy chứng nhận sang cho Bộ phận Một cửa để trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất; đối với trường hợp giao khu vực biển thì thời điểm xác định người sử dụng đất phải đưa đất vào sử dụng tính từ ngày có thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu đối với toàn bộ hoặc từng phần diện tích đã hoàn thành hoạt động lấn biển theo tiến độ của dự án đầu tư lấn biển hoặc hạng mục lấn biển trong dự án đầu tư.

- Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: Sở Nông nghiệp và Môi trường ký hợp đồng thuê đất theo Mẫu số 37 tại Phụ lục IV kèm theo Quyết định này; người sử dụng đất nộp các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan Thuế; người sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư lấn biển hoặc dự án đầu tư có hạng mục lấn biển không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển. Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, người sử dụng đất nộp các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất theo thông báo của cơ quan Thuế.

- Cơ quan Thuế xác nhận việc hoàn thành nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các nghĩa vụ tài chính về đất đai, phí, lệ phí khác có liên quan phải nộp; số tiền phải nộp để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, gửi thông báo cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường ký cấp Giấy chứng nhận theo thẩm quyền, bàn giao đất, bàn giao rừng, bàn giao khu vực biển trên thực địa theo Mẫu số 12 tại

Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này và chuyển Giấy chứng nhận sang cho Bộ phận Một cửa để trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất; đối với trường hợp giao khu vực biển thì thời điểm xác định người sử dụng đất phải đưa đất vào sử dụng tính từ ngày có thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu đối với toàn bộ hoặc từng phần diện tích đã hoàn thành hoạt động lấn biển theo tiến độ của dự án đầu tư lấn biển hoặc hạng mục lấn biển trong dự án đầu tư.

Bước 7: Sở Nông nghiệp và Môi trường chuyển hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp có trách nhiệm cập nhật, lưu trữ hồ sơ theo pháp luật về lâm nghiệp.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn theo Mẫu số 9 hoặc Mẫu số 9a hoặc Mẫu số 9b ban hành kèm theo Quyết định này, đối với trường hợp cơ quan ký kết Hợp đồng Dự án BT nộp hồ sơ; kèm theo Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính.

- Một trong các loại giấy tờ sau đây:

+ Văn bản phê duyệt dự án đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 124 Luật Đất đai hoặc văn bản về kết quả thực hiện việc nhận chuyển nhượng dự án bất động sản theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản đối với trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 124 Luật Đất đai hoặc văn bản của đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất về kết quả đấu giá quyền sử dụng đất không thành quy định tại điểm b khoản 6 Điều 125 của Luật Đất đai hoặc các văn bản, giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật;

+ Hợp đồng BT đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thanh toán hợp đồng BT;

+ Hợp đồng đấu thầu dự án có sử dụng đất đối với trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thông qua hình thức đấu thầu;

+ Bản sao các văn bản theo quy định của pháp luật đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 133 của Luật Đất đai mà phải thu hồi đất để giao đất, cho thuê đất cho tổ chức, cá nhân sau chia tách, sáp nhập, chuyển đổi mô hình tổ chức;

+ Một trong các Giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 Luật Đất đai;

+ Bản sao Phương án sử dụng đất đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt đối với tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trước ngày Luật Đất đai có hiệu lực thi hành đối với trường hợp quy định tại Điều 180 của Luật Đất đai;

+ Bản sao Phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp tại địa phương đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp quy định tại Điều 181 của Luật Đất đai;

+ Bản sao Phương án sử dụng đất đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt đối với diện tích đất thu hồi của công ty nông, lâm nghiệp quản lý, sử dụng để giao đất, cho thuê đất quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 181 của Luật Đất đai;

+ Bản sao dự án đầu tư lấn biển hoặc hạng mục lấn biển của dự án đầu tư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp quy định tại Điều 190 của Luật Đất đai;

- Đối với trường hợp giao rừng, cho thuê rừng thì phải có thêm các tài liệu sau:

+ Báo cáo điều tra, đánh giá hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp đối với trường hợp giao đất và giao rừng;

+ Kết quả đấu giá thuê rừng; biên bản đấu giá cho thuê rừng; danh sách người trúng đấu giá thuê rừng; thông báo hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với người trúng đấu giá thuê rừng đối với trường hợp cho thuê đất và cho thuê rừng; dự án đầu tư đối với khu rừng đề nghị thuê; báo cáo điều tra, đánh giá hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp đối với trường hợp cho thuê đất và cho thuê rừng;

- Trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư thì không phải nộp một trong các loại giấy tờ nêu trên.

- Hồ sơ kê khai xác định nghĩa vụ tài chính gồm: Tờ khai lệ phí trước bạ; Tờ khai thuế phi nông nghiệp; Văn bản đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này, giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm nghĩa vụ tài chính theo quy định (nếu có).

**) Đối với thành phần hồ sơ, tài liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, giấy tờ đã tích hợp và được chia sẻ từ VNeID, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phải chủ động khai thác, tái sử dụng và tuyệt đối không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4 Thời hạn giải quyết: Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 10 ngày làm việc.

Thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với trường hợp quy định tại Quyết định này được tính kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không bao gồm thời gian xác định chi phí xây dựng hạ tầng (nếu có); xác định lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn đầu tư, đối tượng được miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai; thời gian làm thủ tục miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; thời gian xác định giá đất; thời gian ký hợp đồng thuê đất; thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật; thời gian trưng cầu giám định; thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng; thời gian Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc đo đạc, xác định lại diện tích thửa đất để thể hiện sơ đồ của thửa đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; thời gian thực hiện thủ tục chia thửa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài;
- Tổ chức trong nước; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; tổ chức kinh tế; nhà đầu tư trúng thầu hoặc tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án; công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng đối với

các trường hợp sau:

- + Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên;
- + Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê;
- + Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất;
- + Dự án có nhiều hình thức sử dụng đất mà trong đó có diện tích thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định giao đất, cho thuê đất, giao đất và giao rừng, cho thuê đất và cho thuê rừng, giao đất, cho thuê đất đồng thời giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển theo Mẫu số 14 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

1.8. Phí, lệ phí:

1.8.1. Phí thẩm định: Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20 (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể:

- a) Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:
 - Miễn phí đối với các đối tượng sau:
 - + Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa);
 - + Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
 - + Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng;
 - + Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội;
 - + Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất;
 - + Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ

thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.

- Đối tượng được giảm nộp phí:

+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng;

+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi;

+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.

b) Mức thu:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)		
		Đất	Tài sản	Đất và tài sản
A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài				
Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	500.000	500.000	610.000
Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm	Thửa đất hoặc tài sản	150.000	150.000	180.000
B. Đối tượng còn lại				
Cấp lần đầu	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	1.100.000	1.270.000	1.660.000

Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của nhà nước không phải nộp phí.

1.8.2. Lệ phí: Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20 (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể:

a) Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:

- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).

- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.

- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.

- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.

- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.

- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.

b) Mức thu:

STT	Nội dung	Mức thu (đồng)	
		Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Các đối tượng còn lại
1	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
	Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất	100.000	600.000
2	Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)		
	Cấp lần đầu	40.000	200.000

3	Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	15.000	30.000
---	---	--------	--------

Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của nhà nước không phải nộp lệ phí.

* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn theo Mẫu số 9 hoặc Mẫu số 9a hoặc 9b tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

- Tờ khai lệ phí trước bạ (*Áp dụng đối với nhà, đất*) Mẫu số: 01/LPTB; Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (*Áp dụng đối với cá nhân*) Mẫu số: 01/TK-SDDPNN; Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (*Áp dụng đối với tổ chức*) Mẫu số: 02/TK-SDDPNN; Văn bản đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất Mẫu số 11 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội;

- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất (cấp tỉnh).

2.1. Trình tự thực hiện

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (*thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính*).

- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (*toàn trình*) tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sau khi nhận được thông báo của cơ quan thuế về việc người trúng đấu giá đã hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Người trúng đấu giá nộp hồ sơ giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đến Bộ phận Một cửa.

Khi nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực.

Bộ phận Một cửa tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

- Lập Tờ trình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất (hồ sơ gồm: Các giấy tờ quy định tại mục 2.3, tờ trình theo Mẫu số 13, dự thảo Quyết định theo Mẫu số 14 tại phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này).

Bước 3: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 14 tại phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

Bước 4: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

- Ký hợp đồng thuê đất theo Mẫu số 37 tại Phụ lục IV kèm theo Quyết định này, bàn giao đất trên thực địa đối với trường hợp thuê đất; bàn giao đất trên thực địa đối với trường hợp giao đất.

- Chuyển thông tin theo Mẫu số 15 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này đến cơ quan thuế (kèm theo hồ sơ kê khai xác định nghĩa vụ tài chính) trong thời gian 03 ngày kể từ thời điểm có quyết định giao đất, cho thuê đất.

Bước 5: Cơ quan Thuế thực hiện thủ tục xác định các nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí phải nộp theo quy định; ban hành thông báo nộp tiền gửi cho người sử dụng đất.

Người sử dụng đất ký hợp đồng thuê đất theo Mẫu số 37 tại Phụ lục IV kèm theo Quyết định này với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong trường hợp thuê đất;

Bước 6: Sở Nông nghiệp và Môi trường bàn giao đất trên thực địa thực hiện theo Mẫu số 12 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này; ký Giấy chứng nhận theo thẩm quyền; chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sang cho Bộ phận Một cửa để trao cho người sử dụng đất.

Bước 7: Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất

đai có trách nhiệm cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp có trách nhiệm cập nhật, lưu trữ hồ sơ theo pháp luật về lâm nghiệp.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị giao đất; cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất theo Mẫu số 10 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này; kèm theo Bản trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính khu đất.

- Hồ sơ kê khai xác định nghĩa vụ tài chính gồm: Tờ khai lệ phí trước bạ; tờ khai thuế phi nông nghiệp; Văn bản đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này, giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm nghĩa vụ tài chính theo quy định (nếu có).

**) Đối với thành phần hồ sơ, tài liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, giấy tờ đã tích hợp và được chia sẻ từ VNeID, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phải chủ động khai thác, tái sử dụng và tuyệt đối không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 10 ngày làm việc.

Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 10 ngày làm việc.

Thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với trường hợp quy định tại Quyết định này được tính kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không bao gồm thời gian xác định chi phí xây dựng hạ tầng (nếu có); xác định lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn đầu tư, đối tượng được miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai; thời gian làm thủ tục miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; thời gian xác định giá đất; thời gian ký hợp đồng thuê đất; thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi

phạm pháp luật; thời gian trưng cầu giám định; thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng; thời gian Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc đo đạc, xác định lại diện tích thửa đất để thể hiện sơ đồ của thửa đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài;
- Tổ chức trong nước; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; tổ chức kinh tế; nhà đầu tư trúng thầu hoặc tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án; công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng đối với các trường hợp sau:
 - + Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên;
 - + Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê;
 - + Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất;
 - + Dự án có nhiều hình thức sử dụng đất mà trong đó có diện tích thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 14 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

2.8. Phí, lệ phí

2.8.1. Phí thẩm định: Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa

XVIII, kỳ họp thứ 20 (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể:

a) Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:

- Miễn phí đối với các đối tượng sau:

+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).

+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.

+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.

+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.

- Đối tượng được giảm nộp phí:

+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.

+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.

+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.

b) Mức thu:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)		
		Đất	Tài sản	Đất và tài sản
A) Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài				
Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	500.000	500.000	610.000
Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng	Thửa đất hoặc tài sản	150.000	150.000	180.000

nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm				
B) Đối tượng còn lại				
Cấp lần đầu	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	1.100.000	1.270.000	1.660.000

Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của nhà nước không phải nộp phí.

2.8.2. Lệ phí: Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20 (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể:

a) Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:

- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).
- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.
- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.
- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.
- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.
- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.
- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.

b) Mức thu:

STT	Nội dung	Mức thu (đồng)	
		Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Các đối tượng còn lại
1	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
	Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất	100.000	600.000
2	Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)		
	Cấp lần đầu	40.000	200.000
3	Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	15.000	30.000

Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của nhà nước không phải nộp lệ phí.

* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị giao đất; cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất theo Mẫu số 10 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

- Tờ khai lệ phí trước bạ (*Áp dụng đối với nhà, đất*) Mẫu số: 01/LPTB; Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (*Áp dụng đối với cá nhân*) Mẫu số: 01/TK-SDDPNN; Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (*Áp dụng đối với tổ chức*) Mẫu số: 02/TK-SDDPNN; Văn bản đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất Mẫu số 11 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội;

- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

3. Chuyển mục đích sử dụng đất; chuyển hình thức sử dụng đất; gia hạn

sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư (cấp tỉnh)

3.1. Trình tự thực hiện

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (*thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính*).

- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (*toàn trình*) tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người đề nghị nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa.

Khi nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực.

Bộ phận Một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

- Rà soát, kiểm tra hồ sơ; hướng dẫn người nộp hồ sơ làm lại hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ;

- Kiểm tra thực địa thửa đất đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất;

- Lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn có liên quan:

+ Cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng: Xác định diện tích xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe (bao gồm cả khu bán vé, khu quản lý điều hành, khu phục vụ công cộng) phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng theo quy định của pháp luật về vận tải giao thông đường bộ; diện tích đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp; xác định chi phí xây dựng hạ tầng (nếu có) theo quy định của pháp luật về xây dựng;

+ Sở Tài chính: xác định lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp;

+ Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp: xác định lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư trong khu kinh tế, khu công nghiệp;

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản xác định cụ thể việc hưởng ưu đãi đầu tư cho dự án và trả lời đầy đủ các nội dung của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan xác định trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (nếu có).

- Hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất (Hồ sơ gồm: Đơn và giấy tờ quy định tại mục 3.3; tờ trình theo Mẫu số 13 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này; dự thảo quyết định theo mẫu số 19 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này đối với trường hợp cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; mẫu số 20 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này đối với trường hợp chuyển hình thức sử dụng đất; mẫu số 21 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng; mẫu số 22 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này đối với trường hợp điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư).

Bước 3: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất.

Bước 4: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

Trường hợp trả tiền thuê đất hằng năm hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê:

- Ủy ban nhân dân cấp xã xác định số tiền giải phóng mặt bằng ứng trước được trừ vào tiền thuê đất, tiền sử dụng đất gửi cơ quan Thuế.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chuyển Phiếu chuyển thông tin theo Mẫu số 15 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này đến cơ quan thuế (kèm theo hồ sơ kê khai xác định nghĩa vụ tài chính) trong thời gian 03 ngày kể từ thời điểm có quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp trả tiền thuê đất hằng năm, trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian

thuê; kể từ thời điểm quyết định giá đất đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Bước 5: Cơ quan Thuế tổ chức việc tính, thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, số tiền phải nộp để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa; xác định số tiền thuê đất được miễn, giảm theo quy định; xác định đơn giá thuê đất đối với trường hợp trả tiền thuê đất hằng năm, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai, đồng thời gửi thông báo cho người sử dụng đất. Người sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư lấn biển hoặc dự án đầu tư có hạng mục lấn biển không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.

Bước 6: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

- Trường hợp được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê thì không thực hiện thủ tục xác định giá đất, tính tiền thuê đất; trường hợp thuê đất trả tiền hằng năm: Sở Nông nghiệp và Môi trường ký hợp đồng và ký Giấy chứng nhận đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cho thuê đất của Chủ tịch UBND tỉnh; bàn giao đất, bàn giao rừng, bàn giao khu vực biển trên thực địa theo Mẫu số 12 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này và chuyển giấy chứng nhận sang cho Bộ phận Một cửa để trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất; đối với trường hợp giao khu vực biển thì thời điểm xác định người sử dụng đất phải đưa đất vào sử dụng tính từ ngày có thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu đối với toàn bộ hoặc từng phần diện tích đã hoàn thành hoạt động lấn biển theo tiến độ của dự án đầu tư lấn biển hoặc hạng mục lấn biển trong dự án đầu tư.

- Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: Sở Nông nghiệp và Môi trường ký hợp đồng thuê đất theo Mẫu số 37 Phụ lục IV kèm theo Quyết định này; người sử dụng đất nộp các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan Thuế; người sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư lấn biển hoặc dự án đầu tư có hạng mục lấn biển không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển. Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, người sử dụng đất nộp các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất theo thông báo của cơ quan Thuế.

- Cơ quan Thuế xác nhận việc hoàn thành nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các nghĩa vụ tài chính về đất đai, phí, lệ phí khác có liên quan phải nộp; số tiền phải nộp để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, gửi thông báo cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường ký Giấy chứng nhận theo thẩm quyền, bàn giao đất, bàn giao rừng, bàn giao khu vực biển trên thực địa theo Mẫu số 12 Phụ

lục IV ban hành kèm theo Quyết định này và chuyển giấy chứng nhận sang cho Bộ phận Một cửa để trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất; đối với trường hợp giao khu vực biển thì thời điểm xác định người sử dụng đất phải đưa đất vào sử dụng tính từ ngày có thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu đối với toàn bộ hoặc từng phần diện tích đã hoàn thành hoạt động lấn biển theo tiến độ của dự án đầu tư lấn biển hoặc hạng mục lấn biển trong dự án đầu tư.

Bước 7: Sở Nông nghiệp chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp để cập nhật, lưu trữ hồ sơ theo pháp luật về lâm nghiệp.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

** Hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất gồm:*

- Đơn theo Mẫu số 9a ban hành kèm theo Quyết định này; kèm theo Bản trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính;

- Gồm các giấy tờ sau:

+ Một trong các giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 Luật Đất đai.

+ Trường hợp không có giấy tờ quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 Luật Đất đai thì có quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ.

- Hồ sơ kê khai xác định nghĩa vụ tài chính gồm: Tờ khai lệ phí trước bạ; tờ khai thuế phi nông nghiệp; Văn bản đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này, giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm nghĩa vụ tài chính theo quy định (nếu có).

** Hồ sơ đề nghị chuyển hình thức sử dụng đất gồm:*

- Đơn theo Mẫu số 16 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này; kèm theo Bản trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính;

- Một trong các giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 Luật Đất đai.

- Hồ sơ kê khai xác định nghĩa vụ tài chính gồm: Tờ khai lệ phí trước bạ; tờ khai thuế phi nông nghiệp; Văn bản đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng

đất tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này, giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm nghĩa vụ tài chính theo quy định (nếu có).

** Hồ sơ đề nghị gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất gồm:*

- Đơn theo Mẫu số 17 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này; kèm theo Bản trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính.

- Một trong các giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 Luật Đất đai.

- Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ.

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư hoặc thể hiện thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với trường hợp sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.

- Phương án đầu tư do nhà đầu tư lập, trong đó, thể hiện cụ thể mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời gian hoạt động của dự án.

- Hồ sơ kê khai xác định nghĩa vụ tài chính gồm: Tờ khai lệ phí trước bạ; tờ khai thuế phi nông nghiệp; Văn bản đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này, giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm nghĩa vụ tài chính theo quy định (nếu có).

** Hồ sơ đề nghị điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư gồm:*

- Đơn theo Mẫu số 18 ban hành kèm theo Quyết định này; kèm theo Bản trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính.

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép thay đổi thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Một trong các giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 Luật Đất đai.

- Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ.

- Hồ sơ kê khai xác định nghĩa vụ tài chính gồm: Tờ khai lệ phí trước bạ; tờ khai thuế phi nông nghiệp; Văn bản đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này, giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm nghĩa vụ tài chính theo quy định (nếu có).

**) Đối với thành phần hồ sơ, tài liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, giấy tờ đã tích hợp và được chia sẻ từ VNeID, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phải chủ động khai thác, tái sử dụng và tuyệt đối không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 10 ngày làm việc.

Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 10 ngày làm việc.

Thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với trường hợp quy định tại Quyết định này được tính kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không bao gồm thời gian xác định chi phí xây dựng hạ tầng (nếu có); xác định lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn đầu tư, đối tượng được miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai; thời gian làm thủ tục miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; thời gian xác định giá đất; thời gian ký hợp đồng thuê đất; thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật; thời gian trưng cầu giám định; thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng; thời gian Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc đo đạc, xác định lại diện tích thửa đất để thể hiện sơ đồ của thửa đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; thời gian thực hiện thủ tục chia thửa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài;
- Tổ chức trong nước; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; tổ chức kinh tế; nhà đầu tư trúng thầu hoặc tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án; công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng đối với các trường hợp sau:

+ Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên;

+ Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê;

+ Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất;

+ Dự án có nhiều hình thức sử dụng đất mà trong đó có diện tích thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (Mẫu số 19); Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất (Mẫu số 20), Quyết định gia hạn sử dụng đất (Mẫu số 21); Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất (Mẫu số 22) tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

3.8. Phí, lệ phí

3.8.1. Phí thẩm định: Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20 (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể:

a) Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:

- Miễn phí đối với các đối tượng sau:

+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).

+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.

+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.

+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ

thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.

- Đối tượng được giảm nộp phí:

+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.

+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.

+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.

b) Mức thu:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)		
		Đất	Tài sản	Đất và tài sản
A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài				
1. Cấp lần đầu				
Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	500.000	500.000	610.000
Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm	Thửa đất hoặc tài sản	150.000	150.000	180.000
2. Chứng nhận biến động đất đai				
Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	320.000	430.000	510.000
Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	190.000	260.000	310.000
B. Đối tượng còn lại				
Cấp lần đầu	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	1.100.000	1.270.000	1.660.000

	Thửa đất			
2. Chứng nhận biến động đất đai				
Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	850.000	850.000	1.100.000
Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	510.000	510.000	660.000

Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của nhà nước không phải nộp phí.

3.8.2. Lệ phí: Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20 (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể:

a) Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:

- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).
- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.
- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.
- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.
- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.
- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.
- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.

b) Mức thu:

STT	Nội dung	Mức thu (đồng)	
		Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Các đối tượng còn lại
1	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
	Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất	100.000	600.000
2	Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)		
	Cấp lần đầu	40.000	200.000
3	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	28.000	30.000
4	Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	15.000	30.000

Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của nhà nước không phải nộp lệ phí.

* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 9a tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

- Đơn đề nghị chuyển hình thức sử dụng đất theo Mẫu số 16 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

- Đơn đề nghị gia hạn sử dụng đất theo Mẫu số 17 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

- Đơn đề nghị điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư theo Mẫu số 18 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

- Tờ khai lệ phí trước bạ (*Áp dụng đối với nhà, đất*) Mẫu số: 01/LPTB; Tờ

khai thuê sử dụng đất phi nông nghiệp (*Áp dụng đối với cá nhân*) Mẫu số: 01/TK-SDDPNN; Tờ khai thuê sử dụng đất phi nông nghiệp (*Áp dụng đối với tổ chức*) Mẫu số: 02/TK-SDDPNN; Văn bản đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất Mẫu số 11 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội;

- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

4. Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất đối với trường hợp sử dụng đất không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư, không thuộc trường hợp thực hiện thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất quy định tại Điều 65 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (cấp tỉnh)

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (*thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính*).

- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (*một phần*) tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người đề nghị nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa.

Khi nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực.

Bộ phận Một cửa tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

- Rà soát, kiểm tra hồ sơ; hướng dẫn người nộp hồ sơ làm lại hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ;

- Kiểm tra thực địa thửa đất (nếu cần thiết);

- Lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn có liên quan:

- + Cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng: Xác định diện tích xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe (bao gồm cả khu bán vé, khu quản lý điều hành, khu phục vụ công cộng) phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng theo quy định của pháp luật về vận tải giao thông đường bộ; diện tích đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp; xác định chi phí xây dựng hạ tầng (nếu có) theo quy định của pháp luật về xây dựng;

- + Sở Tài chính: xác định lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp;

- + Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp: xác định lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư trong khu kinh tế, khu công nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan xác định trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (nếu có).

- Hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định gia hạn sử dụng đất (*Hồ sơ gồm: Tờ trình theo Mẫu số 13; mẫu số 21 đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng và Hồ sơ gia hạn sử dụng đất*).

Bước 3: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định gia hạn sử dụng đất.

Bước 4: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

Trường hợp trả tiền thuê đất hằng năm hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê:

- Ủy ban nhân dân cấp xã xác định số tiền giải phóng mặt bằng ứng trước được trừ vào tiền thuê đất, tiền sử dụng đất gửi cơ quan Thuế;

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chuyển Phiếu chuyển thông tin theo Mẫu số 15 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này đến cơ quan thuế (kèm theo hồ sơ kê khai xác định nghĩa vụ tài chính) trong thời gian 03 ngày kể từ thời điểm có quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với

trường hợp trả tiền thuê đất hằng năm, trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; kể từ thời điểm quyết định giá đất đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Bước 5: Cơ quan Thuế tổ chức việc tính, thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, số tiền phải nộp để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa; xác định số tiền thuê đất được miễn, giảm theo quy định; xác định đơn giá thuê đất đối với trường hợp trả tiền thuê đất hằng năm, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai, đồng thời gửi thông báo cho người sử dụng đất. Người sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư lấn biển hoặc dự án đầu tư có hạng mục lấn biển không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.

Bước 6: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

- Trường hợp được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê thì không thực hiện thủ tục xác định giá đất, tính tiền thuê đất; trường hợp thuê đất trả tiền hằng năm: Sở Nông nghiệp và Môi trường ký hợp đồng và ký Giấy chứng nhận đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cho thuê đất của Chủ tịch UBND tỉnh; bàn giao đất, bàn giao rừng, bàn giao khu vực biển trên thực địa theo Mẫu số 12 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này và chuyển giấy chứng nhận sang cho Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh để trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất; đối với trường hợp giao khu vực biển thì thời điểm xác định người sử dụng đất phải đưa đất vào sử dụng tính từ ngày có thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu đối với toàn bộ hoặc từng phần diện tích đã hoàn thành hoạt động lấn biển theo tiến độ của dự án đầu tư lấn biển hoặc hạng mục lấn biển trong dự án đầu tư;

- Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: Sở Nông nghiệp và Môi trường ký hợp đồng thuê đất theo Mẫu số 37 Phụ lục IV kèm theo Quyết định này; người sử dụng đất nộp các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan Thuế; người sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư lấn biển hoặc dự án đầu tư có hạng mục lấn biển không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển. Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, người sử dụng đất nộp các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất theo thông báo của cơ quan Thuế;

- Cơ quan Thuế xác nhận việc hoàn thành nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các nghĩa vụ tài chính về đất đai, phí, lệ phí khác có liên quan phải nộp; số tiền phải nộp để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, gửi thông báo cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai;

- Sở Nông nghiệp và Môi trường ký Giấy chứng nhận theo thẩm quyền, bàn giao đất, bàn giao rừng, bàn giao khu vực biển trên thực địa theo Mẫu số 12 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này và chuyển giấy chứng nhận sang cho Trung tâm Phục vụ Hành chính công để trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất; đối với trường hợp giao khu vực biển thì thời điểm xác định người sử dụng đất phải đưa đất vào sử dụng tính từ ngày có thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu đối với toàn bộ hoặc từng phần diện tích đã hoàn thành hoạt động lấn biển theo tiến độ của dự án đầu tư lấn biển hoặc hạng mục lấn biển trong dự án đầu tư;

Bước 7: Sở Nông nghiệp và Môi trường chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp để cập nhật, lưu trữ hồ sơ theo pháp luật về lâm nghiệp.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn sử dụng đất theo Mẫu số 17 ban hành kèm theo Quyết định này và một trong các loại giấy tờ sau:

+ Một trong các loại giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 của Luật Đất đai.

+ Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

- Hồ sơ kê khai xác định nghĩa vụ tài chính gồm: Tờ khai lệ phí trước bạ; tờ khai thuế phi nông nghiệp; Văn bản đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này, giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm nghĩa vụ tài chính theo quy định (nếu có).

** Đối với thành phần hồ sơ, tài liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, giấy tờ đã tích hợp và được chia sẻ từ VNeID, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phải chủ động khai thác, tái sử dụng và tuyệt đối không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 10 ngày làm việc.

Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh

tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 10 ngày làm việc.

Thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với trường hợp quy định tại Quyết định này được tính kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không bao gồm thời gian xác định chi phí xây dựng hạ tầng (nếu có); xác định lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn đầu tư, đối tượng được miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai; thời gian làm thủ tục miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; thời gian xác định giá đất; thời gian ký hợp đồng thuê đất; thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật; thời gian trưng cầu giám định; thời gian Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc đo đạc, xác định lại diện tích thửa đất để thể hiện sơ đồ của thửa đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài;
- Tổ chức trong nước; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; tổ chức kinh tế; nhà đầu tư trúng thầu hoặc tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án; công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng đối với các trường hợp sau:

- + Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên;
- + Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê;
- + Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất;
- + Dự án có nhiều hình thức sử dụng đất mà trong đó có diện tích thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định gia hạn sử dụng đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo Mẫu số 21 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

4.8. Phí, lệ phí:

4.8.1. Phí thẩm định: Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20 (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể:

a) Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:

- Miễn phí đối với các đối tượng sau:

+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).

+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.

+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.

+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.

- Đối tượng được giảm nộp phí:

+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.

+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.

+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.

b) Mức thu:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)		
		Đất	Tài sản	Đất và tài sản
A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài				

1. Cấp lần đầu				
Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	500.000	500.000	610.000
Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm	Thửa đất hoặc tài sản	150.000	150.000	180.000
2. Chứng nhận biến động đất đai				
Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	320.000	430.000	510.000
Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	190.000	260.000	310.000
B. Đối tượng còn lại				
Cấp lần đầu	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	1.100.000	1.270.000	1.660.000
2. Chứng nhận biến động đất đai				
Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	850.000	850.000	1.100.000
Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	510.000	510.000	660.000

Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của nhà nước không phải nộp phí.

4.8.2. Lệ phí: Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20 (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể:

a) Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:

- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).
- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.
- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.
- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.
- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.
- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.
- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.

b) Mức thu:

STT	Nội dung	Mức thu (đồng)	
		Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Các đối tượng còn lại
1	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
	Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất	100.000	600.000
2	Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)		
	Cấp lần đầu	40.000	200.000

3	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	28.000	30.000
4	Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	15.000	30.000

Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của nhà nước không phải nộp lệ phí.

* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị gia hạn sử dụng đất theo Mẫu số 17 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

- Tờ khai lệ phí trước bạ (*Áp dụng đối với nhà, đất*) Mẫu số: 01/LPTB; Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (*Áp dụng đối với cá nhân*) Mẫu số: 01/TK-SDDPNN; Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (*Áp dụng đối với tổ chức*) Mẫu số: 02/TK-SDDPNN; Văn bản đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất Mẫu số 11 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội;

- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy

định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

5. Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (cấp tỉnh).

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (*thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính*).

- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (*một phần*) tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người đề nghị nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa

Khi nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực.

Bộ phận Một cửa tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

- Rà soát, kiểm tra hồ sơ; hướng dẫn người nộp hồ sơ làm lại hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần thiết).

- Hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (hồ sơ gồm: Các giấy tờ quy định tại mục 5.3; tờ trình theo Mẫu số 13 ban hành kèm theo Quyết định này; dự thảo quyết định theo Mẫu số 24 ban hành kèm theo Quyết định này).

Bước 3: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Bước 4: Các cơ quan chuyên môn thực hiện như sau:

- Cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng xác định chi phí xây dựng hạ tầng theo quy định của pháp luật về xây dựng và chuyển thông tin đến Cơ quan có chức năng quản lý đất đai đối với trường hợp phải xác định chi phí xây dựng hạ tầng.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chuyển Phiếu chuyển thông tin cho cơ quan Thuế để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật (kèm theo hồ sơ kê khai xác định nghĩa vụ tài chính) trong thời gian 03 ngày kể từ thời điểm có Quyết định điều chỉnh quyết định cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc trong thời gian 03 ngày kể từ thời điểm có Quyết định phê duyệt giá đất (đối với trường hợp điều chỉnh quyết định giao đất).

- Cơ quan Thuế tổ chức việc tính, thu tiền thuê đất, xác định số tiền thuê đất được miễn, giảm theo quy định; xác định đơn giá thuê đất gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai, đồng thời, thông báo cho người sử dụng đất.

- Người sử dụng đất nộp các nghĩa vụ tài chính theo thông báo của cơ quan thuế (nếu có).

- Cơ quan thuế xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; gửi thông báo kết quả hoàn thành nghĩa vụ tài chính cho Cơ quan có chức năng quản lý đất đai và người sử dụng đất.

Bước 5: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện: Ký hợp đồng thuê đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền cấp tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; chuyển kết quả đến Bộ phận Một cửa để trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất.

Bước 6: Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp để cập nhật, lưu trữ hồ sơ theo pháp luật về lâm nghiệp.

5.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 23 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này; kèm theo Bản trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính (nếu có thay đổi).

- Một trong các giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 Luật Đất đai.

- Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có nội dung làm thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

- Giấy tờ kê khai, chứng minh thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư; miễn, giảm nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan (nếu có nhu cầu miễn, giảm tiền sử dụng đất); tờ khai lệ phí trước bạ, tờ khai thuế phi nông nghiệp theo quy định.

**) Đối với thành phần hồ sơ, tài liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, giấy tờ đã tích hợp và được chia sẻ từ VNeID, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phải chủ động khai thác, tái sử dụng và tuyệt đối không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 05 ngày làm việc.

Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 10 ngày làm việc.

Thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với trường hợp quy định tại Quyết định này được tính kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không bao gồm thời gian xác định chi phí xây dựng hạ tầng (nếu có); xác định lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn đầu tư, đối tượng được miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai; thời gian làm thủ tục miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; thời gian xác định giá đất; thời gian ký hợp đồng thuê đất; thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật; thời gian trưng cầu giám định; thời gian Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc đo đạc, xác định lại diện tích thửa đất để thể hiện sơ đồ của thửa đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài;
- Tổ chức trong nước; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; tổ chức kinh tế; nhà đầu tư trúng thầu hoặc tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án; công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng đối với các trường hợp sau:

- + Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên;

- + Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê;

- + Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất;

+ Dự án có nhiều hình thức sử dụng đất mà trong đó có diện tích thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 24 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

5.8. Phí, lệ phí:

5.8.1. Phí thẩm định: Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20 (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể:

- a) Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:
 - Miễn phí đối với các đối tượng sau:
 - + Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).
 - + Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
 - + Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.
 - + Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.
 - + Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.
 - + Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.
 - Đối tượng được giảm nộp phí:
 - + Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.
 - + Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và

các thị trấn thuộc huyện miền núi.

+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.

b) Mức thu:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)		
		Đất	Tài sản	Đất và tài sản
A) Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài				
1. Cấp lần đầu				
Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	500.000	500.000	610.000
Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm	Thửa đất hoặc tài sản	150.000	150.000	180.000
2. Chứng nhận biến động đất đai				
Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	320.000	430.000	510.000
Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	190.000	260.000	310.000
B) Đối tượng còn lại				
Cấp lần đầu	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	1.100.000	1.270.000	1.660.000
2. Chứng nhận biến động đất đai				
Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	850.000	850.000	1.100.000
Chứng nhận biến động đất đai	Hồ sơ/Giấy	510.000	510.000	660.000

không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	chứng nhận/ Thửa đất			
---	-------------------------	--	--	--

Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của nhà nước không phải nộp phí.

5.8.2. Lệ phí: Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20 (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể:

a) Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:

- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).
- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.
- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.
- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.
- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.
- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.
- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.

b) Mức thu:

STT	Nội dung	Mức thu (đồng)	
		Người gốc Việt Nam định cư	Các đối tượng

		ở nước ngoài	còn lại
1	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
	Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất	100.000	600.000
2	Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)		
	Cấp lần đầu	40.000	200.000
3	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	28.000	30.000
4	Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	15.000	30.000

Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của nhà nước không phải nộp lệ phí.

* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 23 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

- Tờ khai lệ phí trước bạ (*Áp dụng đối với nhà, đất*) Mẫu số: 01/LPTB; Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (*Áp dụng đối với cá nhân*) Mẫu số: 01/TK-SDDPNN; Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (*Áp dụng đối với tổ chức*) Mẫu số: 02/TK-SDDPNN; Văn bản đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất (Mẫu số 11) tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội;

- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

6. Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư; gia hạn thời gian thực hiện nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (*thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính*).

- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (*toàn trình*) tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>

c) Trình tự thực hiện:

** Trình tự, thủ tục để tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.*

Bước 1: Tổ chức kinh tế có nhu cầu nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ phận Một cửa.

Khi nộp hồ sơ, tổ chức kinh tế được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực.

Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan (nếu cần thiết) thẩm định hồ sơ;

Xác định về việc đủ điều kiện cho phép tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư:

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì có văn bản trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do đồng thời hướng dẫn người nộp hồ sơ làm lại hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ.

- Trường hợp đủ điều kiện chấp thuận thì Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận cho tổ chức kinh tế nhận chuyển

nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất; văn bản trình gồm các nội dung sau:

+ Điều kiện về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp xã hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch nông thôn đã được phê duyệt và công bố;

+ Việc đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 122 Luật Đất đai;

+ Việc đáp ứng các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật Đất đai;

+ Các thông tin trong trích lục bản đồ địa chính khu đất hoặc trích đo địa chính khu đất mà nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án;

Bước 3: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và có văn bản chấp thuận cho tổ chức kinh tế được nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án.

Nội dung của văn bản chấp thuận phải nêu rõ quy mô, diện tích, vị trí, thời hạn phải hoàn thành việc thỏa thuận và các nội dung khác có liên quan.

Bước 4: Căn cứ văn bản chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức kinh tế thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án theo quy định.

Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư thì trình tự, thủ tục thực hiện theo trình tự chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại Quyết định này.

** Trình tự, thủ tục gia hạn thời gian thực hiện nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư*

Bước 1: Tổ chức kinh tế có nhu cầu gia hạn thời gian thực hiện nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận Một cửa.

Khi nộp hồ sơ, tổ chức kinh tế được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực.

Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan (nếu cần thiết) thẩm định và có văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trường hợp không đủ điều kiện thì có văn bản trả hồ sơ và nêu rõ lý do; đồng thời hướng dẫn người nộp hồ sơ làm lại hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ.

Bước 3: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và có văn bản chấp thuận gia hạn thời gian cho tổ chức kinh tế được nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án.

6.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

** Hồ sơ để tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư:*

Văn bản đề nghị theo Mẫu số 30 ban hành kèm theo Quyết định; kèm theo Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính khu đất đề xuất thực hiện dự án.

** Hồ sơ gia hạn thời gian thực hiện nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư:*

- Văn bản đề nghị gia hạn theo Mẫu số 30a ban hành kèm theo Quyết định này; kèm theo Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính khu đất đề xuất thực hiện dự án đối với trường hợp đã nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất được một phần diện tích đất.

- Kết quả đã thực hiện đối với trường hợp đã nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất được một phần diện tích đất.

**) Đối với thành phần hồ sơ, tài liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, giấy tờ đã tích hợp và được chia sẻ từ VNeID, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phải chủ động khai thác, tái sử dụng và tuyệt đối không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

a) Thời gian thực hiện để tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư: Không quá 20 ngày làm việc.

Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 10 ngày làm việc.

Thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với trường hợp quy định tại Quyết định này được tính kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không bao gồm thời gian xác định chi phí xây dựng hạ tầng (nếu có); xác định lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn đầu tư, đối tượng được miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; thời gian xác định giá đất; thời gian ký hợp đồng thuê đất; thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật; thời gian trưng cầu giám định; thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng; thời gian Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc đo đạc, xác định lại diện tích thửa đất để thể hiện sơ đồ của thửa đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.

b) Thời gian gia hạn thời gian thực hiện nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư: Không quá 12 ngày làm việc.

Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 10 ngày làm việc.

Thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với trường hợp quy định tại Quyết định này được tính kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không bao gồm thời gian phải luân chuyển hồ sơ giấy trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ phi địa giới hành chính; xác định chi phí xây dựng hạ tầng (nếu có); xác định lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn đầu tư, đối tượng được miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai; thời gian làm thủ tục miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; thời gian xác định giá đất; thời gian ký hợp đồng thuê đất; thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi

phạm pháp luật; thời gian trưng cầu giám định; thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng; thời gian Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc đo đạc, xác định lại diện tích thửa đất để thể hiện sơ đồ của thửa đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.

- Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận tổ chức kinh tế được gia hạn thời gian nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.

6.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị chấp thuận theo Mẫu số 30 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

- Văn bản đề nghị gia hạn theo Mẫu số 30a tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội;

- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

7. Tổ chức kinh tế lựa chọn nhận chuyển quyền sử dụng đất mà không đề xuất thu hồi đất quy định tại điểm c khoản 1 Điều 127 của Luật Đất đai.

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (*thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính*).

- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (*một phần*) tại địa chỉ:
<https://dichvucong.gov.vn>

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sau khi lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đảm bảo quy định của pháp luật đầu tư, trường hợp tổ chức kinh tế có nhu cầu lựa chọn phương án thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất mà không đề xuất thu hồi đất nộp hồ sơ về Bộ phận Một cửa.

Khi nộp hồ sơ, tổ chức kinh tế được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực.

Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét có văn bản cho phép thực hiện phương án thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất mà không thực hiện thu hồi đất.

Bước 3: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản cho phép hoặc không cho phép tổ chức kinh tế thực hiện phương án thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất mà không thực hiện thu hồi đất.

7.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cho phép thực hiện phương án thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất mà không thực hiện thu hồi đất quy định tại điểm c khoản 1 Điều 127 Luật Đất đai theo Mẫu số 31 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này và Trích lục bản đồ địa chính khu đất hoặc trích đo bản đồ địa chính;

- Báo cáo đánh giá hiện trạng khu đất (trong đó làm rõ việc giải phóng mặt bằng, hiện trạng sử dụng đất).

**) Đối với thành phần hồ sơ, tài liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, giấy tờ đã tích hợp và được chia sẻ từ VNeID, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phải chủ động khai thác, tái*

sử dụng và tuyệt đối không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 10 ngày làm việc.

Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 10 ngày làm việc.

Thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với trường hợp quy định tại Quyết định này được tính kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không bao gồm thời gian thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật; thời gian trưng cầu giám định; thời gian Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc đo đạc, xác định lại diện tích thửa đất để thể hiện sơ đồ của thửa đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản cho phép hoặc không cho phép tổ chức kinh tế thực hiện phương án thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất mà không thực hiện thu hồi đất.

7.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị cho phép thực hiện phương án thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất mà không thực hiện thu hồi đất quy định tại điểm c khoản 1 Điều 127 Luật Đất đai theo Mẫu số 31 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội;

- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

8. Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (*thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính*).

- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (*một phần*) tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Công ty nông, lâm nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận Một cửa.

Khi nộp hồ sơ, công ty nông, lâm nghiệp được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực.

Trường hợp Bộ phận Một cửa tiếp nhận thì chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ phương án sử dụng đất đến các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất để lấy ý kiến và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định.

Thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, Thủ trưởng cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh làm Phó Chủ tịch Hội đồng, các thành viên là đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành có liên quan, đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất;

Bước 3: Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất gửi ý kiến bằng văn bản đến Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Bước 4: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng để thẩm định;

Bước 5: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày thẩm định, nếu hồ sơ phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp không phải chỉnh sửa thì Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Trường hợp hồ sơ phương án sử dụng đất phải chỉnh sửa, bổ sung thì trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày thẩm định, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho công ty nông, lâm nghiệp để hoàn thiện; trong thời hạn

không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày công ty nông, lâm nghiệp hoàn thiện hồ sơ và gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, nếu hồ sơ đầy đủ thì Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt;

Bước 6: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ phương án sử dụng đất do Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, phê duyệt phương án sử dụng đất.

8.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất theo Mẫu số 32 ban hành kèm theo Quyết định này;

- Phương án sử dụng đất; nội dung phương án sử dụng đất phải thể hiện các nội dung như sau:

- + Căn cứ lập phương án sử dụng đất;
- + Phân tích, đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh;
- + Định hướng sử dụng đất, phương hướng nhiệm vụ, phương án sản xuất, kinh doanh cụ thể của công ty nông, lâm nghiệp;
- + Đánh giá tác động của phương án sử dụng đất đến kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và phương án sản xuất, kinh doanh;
- + Các giải pháp tổ chức thực hiện đối với phần diện tích đất công ty nông, lâm nghiệp giữ lại;
- + Xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất, hiện trạng sử dụng đất khu vực đất bàn giao cho địa phương theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 181 Luật Đất đai;
- Trích lục hoặc Trích đo bản đồ địa chính thể hiện ranh giới sử dụng đất hoặc hồ sơ ranh giới sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp; bảng tổng hợp diện tích các loại đất của công ty nông, lâm nghiệp;
- Giấy tờ có liên quan đến việc thành lập, chuyển đổi.

**) Đối với thành phần hồ sơ, tài liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, giấy tờ đã tích hợp và được chia sẻ từ VNeID, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phải chủ động khai thác, tái sử dụng và tuyệt đối không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không*

đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 40 ngày làm việc.

Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 10 ngày làm việc.

Thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với trường hợp quy định tại Quyết định này được tính kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không bao gồm thời gian thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật; thời gian trưng cầu giám định; thời gian Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc đo đạc, xác định lại diện tích thửa đất để thể hiện sơ đồ của thửa đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công ty nông, lâm nghiệp.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản phê duyệt phương án sử dụng đất.

8.8. Phí, Lệ phí (nếu có): Không quy định.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất theo Mẫu số 32 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội;

- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

9. Sử dụng đất kết hợp đa mục đích; gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích (cấp tỉnh).

9.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (*thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính*).

- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (*một phần*) tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>

c) *Trình tự thực hiện:*

*** *Sử dụng đất kết hợp đa mục đích:***

Bước 1: Người sử dụng đất có nhu cầu sử dụng đất kết hợp đa mục đích nộp 01 hồ sơ đến Bộ phận Một cửa.

Khi nộp hồ sơ, người sử dụng đất được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực.

Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan (nếu cần thiết) kiểm tra thực địa, thẩm định phương án sử dụng đất kết hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bước 3: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, chấp thuận hoặc không chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp.

Thời gian thực hiện việc thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trước khi hết hạn thời gian sử dụng đất kết hợp 30 ngày, người sử dụng đất nếu có nhu cầu gia hạn thì phải gửi văn bản đề nghị gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp.

*** *Gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích***

Bước 1: Người sử dụng đất có nhu cầu gia hạn sử dụng đất kết hợp đa mục đích nộp 01 hồ sơ đến Bộ phận Một cửa.

Khi nộp hồ sơ, người sử dụng đất được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực.

Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp.

Bước 3: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp.

9.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích bao gồm:*

- Văn bản đề nghị sử dụng đất kết hợp đa mục đích theo Mẫu số 33 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

- Phương án sử dụng đất kết hợp, gồm:

+ Thông tin về người sử dụng đất;

+ Thông tin về thửa đất, khu đất đang sử dụng vào mục đích chính, gồm: vị trí, diện tích, mục đích sử dụng, hình thức sử dụng đất (Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước giao đất, cho thuê đất được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm; đất do nhận chuyển quyền sử dụng đất hợp pháp từ tổ chức, cá nhân khác); thời hạn sử dụng đất (thời hạn lâu dài, thời hạn sử dụng đất còn lại đối với trường hợp sử dụng đất có thời hạn);

+ Thông tin về diện tích đất sử dụng kết hợp, gồm: vị trí, diện tích, mục đích sử dụng, thời gian sử dụng kết hợp;

+ Phương án xây dựng, cải tạo công trình đối với trường hợp sử dụng đất vào mục đích kết hợp có công trình xây dựng, gồm công trình xây dựng mới, công trình cải tạo công trình có sẵn;

+ Phương án tháo dỡ công trình, khôi phục lại để đủ điều kiện sử dụng đất vào mục đích chính khi hết thời hạn sử dụng vào mục đích kết hợp;

+ Cam kết, biện pháp theo quy định của pháp luật có liên quan để bảo đảm không làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh; hạn chế ảnh hưởng bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học, cảnh quan môi trường; không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của các thửa đất liền kề;

+ Sơ đồ, bản đồ có liên quan đến thửa đất, khu đất sử dụng vào mục đích kết hợp.

- Một trong các giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 Luật Đất đai.

** Hồ sơ gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích:* Văn bản đề

ngiht gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích theo Mẫu số 33a ban hành kèm theo Quyết định này.

**) Đối với thành phần hồ sơ, tài liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, giấy tờ đã tích hợp và được chia sẻ từ VNeID, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phải chủ động khai thác, tái sử dụng và tuyệt đối không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày làm việc.

Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 10 ngày làm việc.

Thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với trường hợp quy định tại Quyết định này được tính kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không bao gồm thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật; thời gian trưng cầu giám định; thời gian Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc đo đạc, xác định lại diện tích thửa đất để thể hiện sơ đồ của thửa đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài;
- Tổ chức trong nước; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; tổ chức kinh tế; nhà đầu tư trúng thầu hoặc tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án; công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng đối với các trường hợp sau:

- + Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên;

- + Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê;

- + Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất;

- + Dự án có nhiều hình thức sử dụng đất mà trong đó có diện tích thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất một

lần cho cả thời gian thuê.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản chấp thuận/không chấp thuận Phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.
- Văn bản chấp thuận/không chấp thuận gia hạn Phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích đối với trường hợp xin gia hạn.

9.8. Phí, Lệ phí (nếu có): Không quy định.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị sử dụng đất kết hợp đa mục đích theo Mẫu số 33 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.
- Đơn đề nghị gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích theo Mẫu số 33a tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội;
- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;
- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy

định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

10. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất (cấp tỉnh).

10.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (*thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính*).

- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (*một phần*) tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng nộp 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận Một cửa.

Khi nộp các giấy tờ quy định, người yêu cầu đăng ký được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực; trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Bộ phận Một cửa thực hiện:

- Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn

trả kết quả. Trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định.

- Chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 3: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

- Kiểm tra thực tế sử dụng đất của tổ chức, xác định ranh giới cụ thể của thửa đất theo quy định tại khoản 2 Điều 142 và khoản 2 Điều 145 Luật Đất đai;
- Phối hợp với cơ quan chuyên môn có liên quan để thực hiện xác định trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (nếu có);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hình thức sử dụng đất theo Mẫu số 28 ban hành kèm theo Quyết định này.

Bước 4: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hình thức sử dụng đất.

Bước 5: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

- Xác định giá đất và gửi Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 15 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này, Quyết định hình thức sử dụng đất và hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính đến cơ quan thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.

- Cơ quan thuế xác định và gửi thông báo thu nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất, Sở Nông nghiệp và Môi trường, đồng thời gửi cho Kho bạc Nhà nước để theo dõi, hạch toán theo quy định.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi nhận được thông báo của Cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

- Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để lập, cập nhật thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; chuyển hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp để cập nhật, lưu trữ hồ sơ theo pháp luật về lâm nghiệp.

10.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 25 ban hành kèm theo Quyết định này.

- Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137, khoản 4, khoản 5 Điều 148, khoản 4, khoản 5 Điều 149 của Luật Đất đai (nếu có).

Trường hợp chủ đầu tư xây dựng nhà ở để kinh doanh quy định tại khoản 4 Điều 148 của Luật Đất đai hoặc chủ đầu tư tạo lập công trình xây dựng quy định tại khoản 4 Điều 149 của Luật Đất đai đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng thì phải có giấy phép xây dựng hoặc giấy tờ phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng; văn bản về việc nhà ở, công trình xây dựng đã được nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng; sơ đồ tài sản đề nghị chứng nhận quyền sở hữu.

Đối với công trình xây dựng không phải là nhà ở thì phải có thêm giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc hợp đồng thuê đất với người sử dụng đất có mục đích sử dụng đất phù hợp với mục đích xây dựng công trình.

- Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất theo Mẫu số 25d ban hành kèm theo Quyết định này đối với trường hợp tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc đang sử dụng đất.

- Quyết định vị trí đóng quân hoặc văn bản giao cơ sở nhà đất hoặc địa điểm công trình quốc phòng, an ninh được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho đơn vị quân đội, đơn vị công an, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; doanh nghiệp nhà nước do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được giao quản lý, sử dụng đất, công trình gắn liền với đất.

- Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc đã có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất nông nghiệp mà chủ sở hữu công trình không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 149 Luật Đất đai hoặc công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Hồ sơ kê khai xác định nghĩa vụ tài chính gồm: Tờ khai lệ phí trước bạ, tờ khai thuế phi nông nghiệp theo quy định; Văn bản đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này, giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm nghĩa vụ tài chính theo quy định (nếu có).

**) Đối với thành phần hồ sơ, tài liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, giấy tờ đã tích hợp và được chia sẻ từ VNeID, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phải chủ động khai thác, tái*

sử dụng và tuyệt đối không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.

b) *Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

10.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 13 ngày làm việc.

Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 10 ngày làm việc.

Thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với trường hợp quy định tại Quyết định này được tính kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không bao gồm thời gian xác định lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn đầu tư, đối tượng được miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai; thời gian làm thủ tục miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; thời gian xác định giá đất; thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật; thời gian Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc đo đạc, xác định lại diện tích thửa đất để thể hiện sơ đồ của thửa đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức đang sử dụng đất.

10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển hình thức sử dụng đất; Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp giấy chứng nhận.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hình thức sử dụng đất; Giấy chứng nhận.

10.8. Lệ phí, phí (nếu có):

10.8.1. Phí thẩm định: Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20 (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể:

- a) Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:

- Miễn phí đối với các đối tượng sau:
 - + Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).
 - + Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
 - + Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.
 - + Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.
 - + Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.
 - + Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.
- Đối tượng được giảm nộp phí:
 - + Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.
 - + Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.
 - + Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.

b) Mức thu:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)		
		Đất	Tài sản	Đất và tài sản
Cấp lần đầu	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất	1.100.000	1.270.000	1.660.000

Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của nhà nước không phải nộp phí.

10.8.2. Lệ phí: Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20 (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể:

a) Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:

- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).

- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.

- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.

- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.

- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.

- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.

b) Mức thu:

STT	Nội dung	Mức thu (đồng)
1	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
	Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất	600.000
2	Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)	
	Cấp lần đầu	200.000
3	Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	30.000

Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của nhà nước không phải nộp lệ phí.

* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 25 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

- Tờ khai lệ phí trước bạ (*Áp dụng đối với nhà, đất*) Mẫu số: 01/LPTB; Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (*Áp dụng đối với tổ chức*) Mẫu số: 02/TK-SDDPNN; Văn bản đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất Mẫu số 11 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội;

- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

11. Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (cấp tỉnh).

11.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa) đối với trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (*thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính*).

- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (*một phần*) tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người yêu cầu đăng ký nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa.

Khi nộp hồ sơ, người yêu cầu đăng ký được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và

xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực; trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực.

Bước 2: Bộ phận Một cửa thực hiện:

- Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. Trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định.

- Chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 3: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

- Thông báo cho Văn phòng đăng ký đất đai chuyển hồ sơ cấp Giấy chứng nhận (nếu có) đến Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Kiểm tra hồ sơ, lập biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót;

- Ký xác nhận nội dung đính chính trên Giấy chứng nhận đã cấp hoặc cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

- Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; gửi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đến Bộ phận Một cửa để trao cho người được cấp.

11.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 29 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.

- Giấy tờ chứng minh sai sót thông tin về thửa đất, tài sản gắn liền với đất so với thông tin trên Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp sai sót thông tin về thửa đất, tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp sai sót thông tin của người được cấp Giấy chứng nhận so với thông tin tại thời điểm đề nghị đính chính thì cơ quan giải quyết thủ tục có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nếu không thể khai thác được thông tin thì nộp Giấy

tờ chứng minh sai sót thông tin của người được cấp Giấy chứng nhận.

- Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện thủ tục thông qua người đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự thì phải có văn bản về việc ủy quyền theo quy định của pháp luật về dân sự.

**) Đối với thành phần hồ sơ, tài liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, giấy tờ đã tích hợp và được chia sẻ từ VNeID, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phải chủ động khai thác, tái sử dụng và tuyệt đối không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4 Thời hạn giải quyết: Không quá 05 ngày làm việc.

Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 10 ngày làm việc.

Thời gian trên không bao gồm thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật; thời gian trưng cầu giám định; thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

11.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan, người trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các cơ quan, đơn vị liên quan.

11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

11.8. Lệ phí, phí (nếu có): Thực hiện thu phí, lệ phí trong trường hợp sai sót do người sử dụng đất kê khai sai.

11.8.1. Phí thẩm định: Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20 (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể:

a) Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:

- Miễn phí đối với các đối tượng sau:

+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).

+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.

+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.

+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.

- Đối tượng được giảm nộp phí:

+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.

+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.

+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.

b) Mức thu:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)		
		Đất	Tài sản	Đất và tài sản
Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất	850.000	850.000	1.100.000
Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất	510.000	510.000	660.000

Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của nhà nước không phải nộp phí.

11.8.2. Lệ phí: Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20 (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể:

a) Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:

- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).
- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.
- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.
- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.
- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.
- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.
- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.

b) Mức thu:

STT	Nội dung	Mức thu (đồng)
1	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	30.000
2	Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	30.000

Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của nhà nước không phải nộp lệ phí.

* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 29 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội;

- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

12. Thu hồi, hủy Giấy chứng nhận đã cấp do cơ quan có chức năng quản lý đất đai thực hiện không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (cấp tỉnh).

12.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (*thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính*).

- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (*toàn trình*) tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người yêu cầu đăng ký nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa.

Khi nộp hồ sơ, người yêu cầu đăng ký được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực; trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực.

Bước 2: Bộ phận Một cửa thực hiện:

- Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. Trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định.

- Chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 3: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

- Kiểm tra hồ sơ đã cấp Giấy chứng nhận hoặc thông báo cho Văn phòng đăng ký đất đai chuyển hồ sơ cấp Giấy chứng nhận (nếu có) đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra; quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai.
- Xác định lại thông tin quy định tại điểm d khoản 2 Điều 152 của Luật Đất đai theo đúng quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận.
- Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau thu hồi.
- Chuyển hồ sơ đã giải quyết đến Văn phòng Đăng ký đất đai để chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.
- Gửi Giấy chứng nhận đến Bộ phận Một cửa để trao cho người được cấp; chuyển hồ sơ đã giải quyết đến Văn phòng Đăng ký đất đai để chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

12.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản kiến nghị việc cấp Giấy chứng nhận không đúng quy định của pháp luật đất đai (bản chính).
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.

**) Đối với thành phần hồ sơ, tài liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, giấy tờ đã tích hợp và được chia sẻ từ VNeID, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phải chủ động khai thác, tái sử dụng và tuyệt đối không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết:

- a) Thời hạn thực hiện thu hồi và hủy Giấy chứng nhận đã cấp không quá 12 ngày làm việc.

b) Thời hạn thực hiện đăng ký, cấp lại Giấy chứng nhận không quá 10 ngày làm việc.

Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 10 ngày làm việc.

Thời gian trên không bao gồm thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật; thời gian trưng cầu giám định; thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài.

12.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan, người trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

12.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

12.8. Phí, Lệ phí (nếu có): Không quy định.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội;

- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

13. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất (trường hợp đất để thực hiện dự án chưa được cấp Giấy chứng nhận) (cấp tỉnh)

13.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (*thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính*).

- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (*toàn trình*) tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người yêu cầu đăng ký nộp 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận Một cửa.

Khi nộp hồ sơ, người yêu cầu đăng ký được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực; trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực.

Bước 2: Bộ phận Một cửa thực hiện:

- Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. Trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định.

- Chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 3: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

- Kiểm tra hồ sơ, gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 15 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này và hồ sơ kê khai xác định nghĩa vụ tài chính đến cơ quan Thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính.

- Khi có thông tin từ cơ sở dữ liệu được liên thông hoặc chứng từ hoặc giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính thì ký cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

- Chuyển Giấy chứng nhận đến Bộ phận Một cửa để trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển hồ sơ kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đã cấp đến Văn phòng đăng ký đất đai để lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

13.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 25 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

- Chứng từ chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính của bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng dự án, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án.

- Văn bản cho phép chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Hợp đồng chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án theo quy định của pháp luật.

- Mảnh trích đo bản đồ địa chính đối với trường hợp chuyển nhượng một phần dự án đã được Văn phòng Đăng ký đất đai ký duyệt theo quy định.

- Hồ sơ kê khai xác định nghĩa vụ tài chính: Tờ khai lệ phí trước bạ, tờ khai thuế phi nông nghiệp, tờ khai thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản (trừ trường hợp bên chuyển nhượng là doanh nghiệp có chức năng kinh doanh bất động sản) theo mẫu do Bộ Tài chính quy định; Hóa đơn giá trị gia tăng đối với trường hợp tổ chức chuyển nhượng bất động sản; Văn bản đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm nghĩa vụ tài chính theo quy định (nếu có);

**) Đối với thành phần hồ sơ, tài liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, giấy tờ đã tích hợp và được chia sẻ từ VNeID, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phải chủ động khai thác, tái sử dụng và tuyệt đối không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 08 ngày làm việc.

Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 10 ngày làm việc.

Thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với trường hợp quy định tại Quyết định này được tính kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không bao gồm thời gian đối tượng được miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai; thời gian làm thủ tục miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; thời gian xác định giá đất; thời gian ký hợp đồng thuê đất; thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật; thời gian trưng cầu giám định.

13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

13.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

13.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

13.8. Phí, lệ phí (nếu có):

13.8.1. Phí thẩm định: Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20 (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể:

a) Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:

- Miễn phí đối với các đối tượng sau:
 - + Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).
 - + Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
 - + Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.
 - + Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.
 - + Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.
 - + Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.
- Đối tượng được giảm nộp phí:
 - + Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.
 - + Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.
 - + Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.

b) Mức thu:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)		
		Đất	Tài sản	Đất và tài sản
Cấp lần đầu	Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ Thửa đất	1.100.000	1.270.000	1.660.000

Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của nhà nước không phải nộp phí

13.8.2. Lệ phí: Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20 (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể:

a) Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:

- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).
- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.
- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.
- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.
- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.
- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.
- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.

b) Mức thu:

STT	Nội dung	Mức thu (đồng)
1	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	

	Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất	600.000
2	Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)	
	Cấp lần đầu	200.000
3	Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	30.000

Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của nhà nước không phải nộp lệ phí.

* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 25 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

- Tờ khai lệ phí trước bạ (*Áp dụng đối với nhà, đất*) Mẫu số: 01/LPTB; Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (*Áp dụng đối với tổ chức*) Mẫu số: 02/TK-SDDPNN; Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (*Áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh*) Mẫu số: 02/TNDN; Văn bản đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất Mẫu số 11 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Đảm bảo các điều kiện về chuyển nhượng dự án có sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về kinh doanh bất động sản.

13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội;

- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa./.